TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-PT
Ngày : 29/01/2019
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà Hoàng Thị Thu Lan
Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Quốc Thái
Bà Trần Thị Liên Anh

- Thư ký phiên toà : Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :
Bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 339/2018/QĐXX-PT ngày 18/10/2018; Thông báo mở lại phiên tòa số 1532/2018/TB-TA ngày 28/12/2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 05/2019/QĐPT-HPT ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Viết H, sinh năm 1959
Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Bà T, sinh năm 1962 (có mặt)
Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
Ông Nguyễn Đông Khánh- Luật sư của văn phòng luật sư Việt Quốc- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt)

Bị đơn: 1. Ông L (Chanh), sinh năm 1952 (vắng mặt)
2. Bà Đ, sinh năm 1952 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tưởng Thị S, sinh năm 1955
2. Anh Lưu Viết D, sinh năm 1974
3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976
4. Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1983
5. Anh Lưu Viết H, sinh năm 1989
6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, anh D, chị N, chị H, anh H,chị H1: Bà T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội (có mặt)

7. Anh Lưu Viết H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội

8. Anh Lưu Viết D, sinh năm 1982 (vắng mặt)
9. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt)
10. Anh Lưu Viết N, sinh năm 1988 (vắng mặt)
11. Chị Tống Thị M, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội

Người kháng cáo: Ông Lưu Viết H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2015 và các lời khai tại tòa án, nguyên đơn là Ông Lưu Viết H (do Bà T đại diện) trình bày: Ông Lưu Viết H và Ông L là anh em con chú con bác. Gia đình ông T và gia đình ông H đang cùng sinh sống trên thửa đất tại Xóm T, Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội. Theo bản đồ năm 1986 và sổ mục kê lập ngày 17/8/1993 thì gia đình ông T sử dụng thửa đất 194, tờ bản đồ 02 diện tích 167m^2, gia đình ông H sử dụng thửa đất 223, tờ bản đồ 02 diện tích 197m^2. Theo bản đồ đo đạc năm 1994 thì 02 thửa đất trên được gộp vào một thửa đất là thửa đất số 77 tờ bản đồ 03 diện tích 385m^2. Nguồn gốc thửa đất gia đình ông H quản lý sử dụng là ông được bố ông cụ Lưu Viết B cho còn đất của ông C là do cụ Lưu Viết G cho. Khi cụ B cho ông quản lý sử dụng đất chỉ cho bằng miệng, không có văn bản gì cũng như không nói cho ông bao nhiêu m^2 đất và phân chia mốc giới đất giữa gia đình ông và gia đình ông T. Sau khi được các cụ cho đất gia đình ông H xây nhà mái bằng liền kề với phần đất nhà ông T quản lý sử dụng, sau này nhà ông T cũng xây dựng nhà mái bằng liền kề với phần đất gia đình ông quản lý, sử dụng. Hiện nay khoảng cách giữa nhà mái bằng của gia đình ông và gia đình ông C rộng khoảng 50cm. Khi gia đình ông H, gia đình ông C xây dựng nhà, gia đình các ông đều tự xây dựng, không thông báo với bên kia và không ai có ý kiến gì. Năm 1993, gia đình ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 167m^2. Gia đình ông H chưa khi nào kê khai nhà đất để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi gia đình ông T được cấp sổ đỏ thì ông mới biết thửa đất của gia đình có diện tích

197m^2 đất, như vậy diện tích đất sử dụng thực tế của gia đình ông bị thiếu 21m^2 đất là do gia đình ông T xây dựng nhà đã lấn sang đất của gia đình ông. Khi gia đình ông xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông T đã tranh chấp đất với gia đình ông vì vậy đến nay gia đình ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H khởi kiện yêu cầu ông T, bà S phải trả lại 21m^2 đất đã lấn chiếm của gia đình ông H.

Bị đơn là Ông L (Chanh), Bà Đ (do bà S đại diện) trình bày: Nguồn gốc diện tích đất gia đình ông H và gia đình bà S, ông T quản lý sử dụng là của ông nội ông T và ông H để lại cho bố ông T là cụ G và bố ông H là cụ B. Sau này cụ B cho lại phần đất của mình cho ông H, còn cụ G thì cho ông T. Sau khi cụ G được bố cho đất cụ đã xây ngôi nhà cấp 4 bốn gian (hiện nay vẫn còn). Khi cụ G được cho đất chỉ cho bằng miệng, dặm chân và chỉ ranh giới thửa đất chứ không nói cụ thể là bao nhiêu m^2. Khi đó ranh giới là một phía giáp nhà ông T, một phía giáp nhà ông T2, một phía giáp nhà ông H1 phía còn lại giáp nhà ông B được chia. Sau khi được chia đất, năm 1993 -1994, gia đình ông H xây dựng nhà mái bằng giáp phần đất phía Tây Nam của gia đình bà S. Đến năm 1996, vợ chồng bà S xây nhà mái bằng liền kề với nhà mái bằng của gia đình ông H. Khi hai gia đình xây nhà đều không nói gì với nhau, nhưng cũng không nhà nào có ý kiến gì. Từ đó đến nay gia đình bà sử dụng ổn định không xây dựng thêm bất cứ công trình gì, xung quanh thửa đất, toàn công trình, không có đất trống. Hai gia đình chưa khi nào tranh chấp về diện tích đất hay mốc giới đất cả. Năm 1991, khi cụ G mất, gia đình bà và gia đình ông H đã xảy ra tranh chấp về ngõ đi, hiện nay gia đình bà vẫn đang sử dụng ngõ đi này. Năm 1993, gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất với diện tích 167m^2. Việc cấp giấy chứng nhận này gia đình bà không ai kê khai gì cả vì vậy khi UBND xã giao giấy chứng nhận gia đình bà đã không nhận và yêu cầu được cấp đổi lại sổ như đúng hiện trang đất mà gia đình bà đang quản lý, sử dụng là 206m^2 (diện tích gia đình bà thuê đo đạc). Gia đình bà không lấn chiếm đất của ông H, đề nghị Tòa án bác yêu cấu khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

- Bà Tưởng Thị S, Anh Lưu Viết D, chị Nguyễn Thị N, Anh Lưu Viết H, chị Nguyễn Thị Mai H, anh Lưu Viết H, chị Nguyễn Thị H là vợ, các con trai và con dâu của Ông Lưu Viết H có lời khai thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

- Anh Lưu Viết D, Chị Nguyễn Thị L, anh Lưu Viết N, chị Tống Thị M là các con trai và con dâu của ông Lưu Viết C, Bà Đ đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng đều không đến tòa làm việc, không khai báo gì, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đã cản trở không cho Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện đòi 20,2m^2 đất thuộc thửa số 194, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) của Ông Lưu Viết H đối với ông Lưu Viết C, Bà Đ

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/5/2018 Ông Lưu Viết H kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử lại theo yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bị đơn trả lại diện tích đã lấn chiếm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bầy:

Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, không tiến hành đo đạc đối với thửa đất của bị đơn, dẫn đến giải quyết vụ án không đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm không giải quyết về tranh chấp ngõ đi, không xác định ranh giới đất của hai gia đình là bỏ sót yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa là lần thứ 3. nhưng vắng mặt là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2015 của nguyên đơn có nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại phần đất đã lấn chiếm của nguyên đơn là 21m^2 đất, xác định lại ranh giới đất giữa hai gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết tranh chấp về đòi quyền sử dụng đất mà không xác định ranh giới đất giữa hai gia đình là bỏ sót yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hố sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa là lần thứ ba. Bị đơn là Ông L (Chanh), Bà Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

Thửa đất số 223 của gia đình Ông Lưu Viết H và thửa đất số 194 của gia đình Ông L liền nhau, tọa lạc Xóm T, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Ông H, ông T đều thừa nhận đất gia đình các ông đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của ông bà nội hai ông là cụ Lưu Viết D và Nguyễn Thị T chia cho cụ Lưu Viết G (bố ông T) và chia cho cụ Lưu Viết B (bố ông H), sau này bố các ông cho lại hai ông.

Theo Công văn số 717/TN-MT ngày 11/10/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T; Công văn số 118/UBND ngày 25/9/2014 của UBND xã H, Biên bản xác minh và tài liệu do UBND xã cung cấp thể hiện:

- Theo bản đồ năm 1986 thì thửa đất số 194 và thửa đất số 223 liền kề nhau, ranh giới giữa 02 thửa đất là một đường thẳng, bản đồ không thể hiện lối đi hiện nay của thửa đất 194 qua thửa đất 223.

- Thửa đất 223, tờ bản đồ 02 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, diện tích 197m^2 mang tên chủ sử dụng là Ông Lưu Viết H. Thửa số 194, tờ bản đồ 02 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, diện tích 167m^2 mang tên chủ sử dụng là ông Lưu Viết C.

UBND xã H chỉ lưu giữ 01 Đơn kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Lưu Viết Chanh đề ngày 15/11/1992 ghi: Thửa đất số194 diện tích 167m^2 và 01 Đơn kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đất của của Ông Lưu Viết H đề ngày 15/11/1992 ghi: Thửa đất số 223 diện tích 197m^2; Đơn kê khai được UBND xã ký đóng dấu xác nhận vào ngày 26/02/1993. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên là căn cứ vào bản đồ năm 1986.

Hiện nay UBND huyện T không lưu trữ hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận đối với 02 thửa đất trên.

- Theo bản đồ năm 1994 thì 02 thửa đất 194 và 223 được gộp vào một thửa đất là thửa đất số 77 tờ bản đồ 03 diện tích 385m^2. Chủ sử dụng : Lưu Viết H. Về lý do 02 thửa đất trên được gộp vào một thửa đất thì hồ sơ không thể hiện và UBND không nắm được.

Quá trình sử dụng đất: Ông H, ông T đều thừa nhận khi các ông được cho đất, đều không có văn bản, không có diện tích đất. Khi cụ G, cụ B còn sống sử

dụng đất như thế nào đến khi hai cụ cho các ông, các ông đều sử dụng như thế đó. Gia đình ông H xây dựng nhà mái bằng năm 1989 tại phần đất giáp với thửa đất của nhà ông T, gia đình ông T xây dựng nhà mái bằng năm 1996 tại phần đất giáp với thửa đất nhà ông H. Thời điểm xây dựng nhà, hai gia đình đều không nói với nhau, cũng không có tranh chấp khiếu kiện gì.Việc sử dụng đất của hai bên gia đình từ trước đến nay không có gì thay đổi về các mốc giới, giữa gia đình ông H và gia đình ông T có tranh chấp nhau về lối đi qua thửa đất số 223.

Tại Biên bản họp gia tộc ngày 07/9/1997 giải quyết về tranh chấp về lối đi giữa gia đình ông H và gia đình ông T có nội dung: " *Gia đình thống nhất tôn trọng tất cả những công trình đã xây dựng, phần anh Chanh đã làm đâu hưởng đấy. của anh Hùng cũng vậy ...*" Biên bản có chữ ký của ông H, ông C, cụ B là bố ông H.

Theo sơ đồ kỹ thuật thửa đất do Công ty TNHH địa chính công trình Hà Nội đo đạc ngày 18/12/2018 thể hiện:

- Gia đình ông T sử dụng thửa đất số 194 có diện tích 203,7m^2.
- Gia đình ông H sử dụng thửa đất số 223 có diện tích 174m^2 (trong đó ngõ đi đang tranh chấp có diện tích 14,8m^2).
- Khoảng cách giữa nhà mái bằng của gia đình ông H và nhà mái bằng của gia đình ông T rộng 0,18m có diện tích là 2,2m^2 đất.

Xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 194 và thửa đất 223 do UBND huyện T cấp cho ông H, ông T ghi diện tích đất không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất hiện nay của hai bên gia đình và không có sơ đồ thửa đất. Ông H, ông T đều khai gia đình các ông chưa khi nào kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND huyện T và UBND xã H không lưu trữ hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận đối với 02 thửa đất trên. Do đó không có cơ sở xác định ông H được sử dụng hợp pháp diện tích 197m^2 đất. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng 20,2m^2 đất của Ông Lưu Viết H là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không tuyên cụ thể ranh giới hai thửa đất là tuyên chưa đầy đủ, cần bổ sung như sau: Ranh giới giữa thửa đất số 194 và thửa đất số 223 được xác định theo hiện trạng sử dụng đất hiện nay của hai gia đình, phần đất nằm giữa nhà mái bằng của gia đình ông H và nhà mái bằng của gia đình ông T có diện tích 2,2m^2 được chia đôi, mỗi bên được sử dụng 1,1m^2 đất. Vì vậy diện tích của mỗi thửa đất như sau :

- Thửa đất số 223 đứng tên Ông Lưu Viết H có diện tích là :

174m^2 + 1,1m^2 = 175,1m^2 (trong đó ngõ đi đang tranh chấp có diện tích 14,8m^2).

- Thửa đất số 194 đứng tên ông Lưu Viết C có diện tích là :

203,7m^2 + 1,1m^2 = 204,8m^2

Về tranh chấp ngõ đi: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị xác định ngõ đi hiện nay gia đình ông T, bà S đang quản lý sử

dụng là ngõ đi riêng của gia đình ông H và nếu gia đình ông T, bà S được sử dụng thì phải thanh toán tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Xét thấy, yêu cầu trên của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết là có căn cứ. Đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những nhận định trên, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội phần tuyên án.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Ông Lưu Viết H phải chịu 200.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.500.000đồng, ông H được hoàn lại số tiền là 1.300.000đồng.

Ông Lưu Viết H không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 175, điều 688 Bộ luật dân sự.
- Điều 203 Luật đất đai.
- Khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án
- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi 20,2m^2 đất của Ông Lưu Viết H đối với Ông L (Chanh), Bà Đ.

2. Về ranh giới hai thửa đất: (có sơ đồ kèm theo)

Thửa đất số 223, tờ bản đồ 02 xã H, huyện T, thành phố Hà Nội đứng tên Ông Lưu Viết H có diện tích 175,1m^2 (trong đó ngõ đi đang tranh chấp có diện tích 14,8m^2).

Thửa đất số 194, tờ bản đồ 02 xã H, huyện T, thành phố Hà Nội đứng tên Ông L có diện tích 204,8m^2.

3. Về án phí:

Ông Lưu Viết H phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.500.000đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 03089 ngày 16/12/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Ông H được hoàn lại 1.300.000đồng (Một triệu, ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả Ông Lưu Viết H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 08952 ngày 14/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *TAND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Thu Lan